

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 1065/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 01 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (diện tích 03 ha) của Công ty TNHH Tổng hợp HTC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 779/STNMT-CCBVMT ngày 14/03/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (diện tích 03 ha);

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (diện tích 03 ha) kèm theo Văn bản số 06/CV ngày 27/3/2024 của Công ty TNHH Tổng hợp HTC;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 371/TTr-STNMT ngày 29/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (sau đây gọi là Dự án) tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (diện tích 03 ha) của Công ty TNHH Tổng hợp HTC (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Phù Mỹ;
- UBND xã Mỹ Trinh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

uk

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI NÚI NHÔNG,
XÃ MỸ TRINH, HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH
(DIỆN TÍCH 03 HA) CỦA CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP HTC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại núi Nhông, xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (diện tích 03 ha).
- Địa điểm thực hiện: Xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tổng hợp HTC.
- Địa chỉ liên hệ: Số 07/10 Tổng Phước Phổ, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0985.442229.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Diện tích dự án: 03 ha.
- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh là 445.669 m³ đất địa chất.
- Công suất khai thác: Tổng trữ lượng khai thác 311.718 m³ đất địa chất, trong đó:
 - + Năm thứ nhất: 106.000 m³ đất địa chất/năm (tương đương với 130.380 m³/năm nguyên khai, hệ số nở ròi 1,23).
 - + Năm thứ hai: 106.000 m³ đất địa chất/năm (tương đương với 130.380 m³/năm nguyên khai, hệ số nở ròi 1,23).
 - + Năm thứ ba: 99.718 m³ đất địa chất/năm (tương đương với 122.653 m³/năm nguyên khai, hệ số nở ròi 1,23).
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).
- Thời hạn khai thác: 03 năm (phục vụ các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo Văn bản số 8610/UBND-KT ngày 15/11/2023 của UBND tỉnh).

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: Bắt đầu mở vỉa khai thác từ phía Tây Bắc Dự án, khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác, cos kết thúc thoải dần từ +120m đến +75m về phía Nam dự án (cao hơn cos hiện trạng xung quanh, đảm bảo thoát nước về phía hạ lưu khi kết thúc khai

thác). Sử dụng 02 máy đào để khai thác đất và sử dụng ô tô 15 tấn để vận chuyển đến nơi san lấp (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ đất khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 03 hồ giảm tốc (trong đó: 01 hồ giảm tốc phía Đông Bắc và 01 hồ giảm tốc phía Tây Nam thuộc phạm vi mỏ; 01 hồ giảm tốc thu gom nước hai bên tuyến đường vận chuyển nằm ngoài phạm vi mỏ), hệ thống mương thu gom, thoát nước xung quanh mỏ dài khoảng 510 m, mương dẫn nước từ hồ giảm tốc ra nguồn tiếp nhận dài khoảng 540 m.

- Tuyến đường công vụ trong mỏ (kết cấu đường đất đầm chặt, kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 271 m (tháo dỡ, phục hồi môi trường khi kết thúc dự án).

- Tuyến đường ngoài mỏ: Mở mới tuyến đường nối từ Quốc lộ 1A vào ranh giới Dự án (kết cấu đường đất đầm chặt, kết hợp làm các mương thoát nước dọc tuyến đường) dài khoảng 317 m (Công ty phải thực hiện các thủ tục pháp lý về đất đai theo quy định và hoàn trả khi kết thúc dự án theo yêu cầu của chủ sử dụng đất).

- Khu vực phụ trợ phía Nam (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.500 m² bố trí lán trại tạm, khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không.

1.6. Mục đích sử dụng đất: Toàn bộ diện tích 03 ha của dự án đã thực hiện hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để khai thác đất theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Quá trình khai thác đất: Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác, từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án

3.1. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 0,8 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 13.486 m³/ngày.

(tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 07 ha).

3.2. Bụi, khí thải: Phát sinh từ quá trình khai thác đất và vận chuyển đất đến các công trình.

3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 6 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại: Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 01 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 20 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: Hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 510 m (kích thước: rộng 2,0m x sâu 1,0m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 271 m (kích thước: rộng 0,5m x sâu 0,5m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ có chiều dài 317 m (kích thước: rộng 2m x sâu 1m); và mương dẫn nước từ các hố giảm tốc ra nguồn tiếp nhận có chiều dài khoảng 540 m (kích thước: rộng 2,0m x sâu 1,0m). Các mương có kết cấu là mương đất hõ, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Tây Nam mỏ (tọa độ 1.572.757; 587.659), thể tích khoảng 816 m³ (diện tích 272 m², sâu 3 m). Kết cấu hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 2 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ 1.572.869; 587.819), thể tích khoảng 816 m³ (diện tích 272 m², sâu 3 m). Kết cấu hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 3 gần bên tuyến đường vận chuyển (tọa độ 1.572.733; 587.870), thể tích khoảng 816 m³ (diện tích 272 m², sâu 3 m). Kết cấu hố giảm tốc được chia làm 02 ngăn, gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn sườn phía Tây Nam khu mỏ → mương thu gom xung quanh → hố giảm tốc số 1 phía Tây Nam mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương dẫn nước ra cống thoát nước mưa trên đường Quốc lộ 1A.

+ Nước mưa chảy tràn sườn phía Đông Bắc khu mỏ → mương thu gom xung quanh → hố giảm tốc số 2 phía Đông Bắc mỏ (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương dẫn nước ra cống thoát nước mưa trên đường Quốc lộ 1A.

+ Nước mưa thu gom 02 bên tuyến đường mở mỏ → cống qua đường → hố giảm tốc số 3 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương dẫn nước ra cống thoát nước mưa trên đường Quốc lộ 1A.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển từ khu vực mỏ đến công trình (tại các vị trí qua khu dân cư, các công trình xây dựng,...) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, thực hiện giải pháp gạt đất bánh xe trước khi ra ngoài và che chắn, không để rơi vãi đất trong quá trình vận chuyển.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại lán trại tạm để thu gom và lưu chứa theo quy định.

4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung: Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác dự án. Các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

STT	Tên công trình	Khối lượng/đơn vị	Kết quả sau khi phục hồi môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	San gạt lại đáy khai trường	2.700 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc
2	Trồng rừng cây keo lai phủ xanh khu vực mỏ, mật độ 1.600 cây/ha	03 ha	Phủ xanh diện tích đã khai thác.	Sau khi kết thúc khai thác từng năm.
3	San lấp hệ thống mương thu nước tại Dự án và hồ giảm tốc	4.339,02 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu.	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc
5	Tháo dỡ công trình phụ trợ và di chuyển nhà vệ sinh di động về nhà kho của Công ty	40 m ²		Sau khi kết thúc khai thác
6	Tháo dỡ 3 cống bi ngầm có đường kính Ø1500mm	03 cấu kiện		
7	Cấm biển báo nguy hiểm bằng BTCT tại khu vực CTPHMT.	04 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Thực hiện trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
8	Đo vẽ địa hình sau khi kết thúc công tác CTPHMT.	03 ha	Giám sát chiều sâu khai thác	Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **504.211.000** đồng (Năm trăm lẻ bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

- Công ty đã nộp đủ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đến năm 2023 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 83/GP-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh là 163.418.864 đồng (Giấy xác nhận số 61/GXN-QBVM ngày

29/02/2024 của Quỹ Bảo vệ môi trường). Do đó, số tiền ký quỹ còn lại Công ty phải nộp là **340.792.136 đồng**.

- Số lần ký quỹ: 03 lần, thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1 số tiền: 85.198.034 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, lần 3 số tiền: 127.797.051 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện tạo bờ dừng xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hố giảm tốc, mương thoát nước mưa trong khu vực dự án. Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở, ảnh hưởng đến khu vực phía hạ lưu, Chủ dự án phải phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và chuyển giao cho đơn vị xử lý.

5.2. Giám sát sa bồi, thủy phá diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển đất.

- Tần suất quan trắc: Thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.